

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế lập, quản lý và sử dụng
Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ Quốc gia về việc làm; Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xử lý nợ rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 29/7/2008 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg;

Căn cứ Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế xử lý nợ rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 365/2004/QĐ-NHNN ngày 13/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Khóa XI - Kỳ họp thứ 3 về Chương trình mục tiêu việc làm và giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 79/TT-Tr-SLĐTBXH ngày 18/9/2012 và thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 185/BC-STP ngày 06/9/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế lập, quản lý và sử dụng Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 107/2008/QĐ-UBND ngày 30/5/2008 của UBND tỉnh về việc lập và ban hành Quy định về quản lý, sử dụng Quỹ Giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi; bãi bỏ khoản 2 Điều 1; Điều 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13; điểm c, e, h, khoản 1 Điều 17; khoản 4, 5, 6 Điều 17 của Quyết định số 262/2008/QĐ-UBND ngày 09/9/2008 của UBND tỉnh ban hành quy định hỗ trợ kinh phí đào tạo ngoại ngữ, bổ túc nghề, giáo dục định hướng và cho vay vốn đối với người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Hội, đoàn thể tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi; Đài PTTH Quảng Ngãi;
- VPUB: PVP(VX), VHXH, CBTH;
- Lưu VT, KTTHđqv321



QUY CHẾ

Lập, quản lý và sử dụng Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số 37 /2012/QĐ-UBND ngày 30 /10/2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc lập, quản lý và sử dụng Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi. Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi được sử dụng để cho vay giải quyết việc làm theo Chương trình mục tiêu về việc làm tỉnh Quảng Ngãi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo từng giai đoạn.

2. Đối tượng áp dụng Quy chế này là Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi (bao gồm các Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện) và các đối tượng vay vốn theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 2. Quản lý Quỹ giải quyết việc làm của tỉnh

Giao Giám đốc Sở Tài chính mở và làm chủ tài khoản Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi. Phân nguồn vốn cho vay được ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi để cho vay giải quyết việc làm theo Quy chế này.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguồn hình thành của Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi

Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi được hình thành từ các nguồn sau:

1. Ngân sách tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo từng năm.
2. Ngân sách huyện, thành phố do Hội đồng nhân dân huyện, thành phố quyết định bổ sung hàng năm theo mức quy định tại Chương trình mục tiêu về việc làm tỉnh Quảng Ngãi của từng giai đoạn.
3. Hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
4. Các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức chuyển vốn

Căn cứ dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm, Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch – Đầu tư và Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân bổ vốn. Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính chuyển vốn qua Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi để cho vay theo quy định.

Điều 5. Đối tượng được vay vốn

1. Cho vay giải quyết việc làm

a) Hộ kinh doanh cá thể; tổ hợp tác sản xuất; hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã; cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật; doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; chủ trang trại; Trung tâm giáo dục lao động – xã hội.

b) Hộ gia đình. Trong đó ưu tiên xét duyệt cho vay đối với hộ nghèo, hộ gia đình là người dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo, hộ gia đình bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp, lao động là người tàn tật, lao động là nữ.

2. Cho vay đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng

Tất cả người lao động cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

3. Các đối tượng thuộc diện chính sách

a) Các đối tượng thuộc diện chính sách quy định tại Điều 2, Quyết định số 365/2004/QĐ-NHNN ngày 13/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

b) Lao động là quân nhân xuất ngũ.

Điều 6. Điều kiện được vay vốn

1. Đối với cho vay giải quyết việc làm: Thực hiện theo quy định của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ Quốc gia về việc làm; Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg (*sau đây gọi chung là Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg đã sửa đổi, bổ sung*) và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với cho vay đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng:

a) Hộ gia đình phải có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi thực hiện dự án vay vốn, có đơn đề nghị vay vốn và được UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) xác nhận trên danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn.

b) Được bên tuyển dụng (gồm doanh nghiệp dịch vụ hoặc tổ chức sự nghiệp) chính thức tiếp nhận đi lao động có thời hạn ở nước ngoài (có hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc có thông báo tuyển dụng của tổ chức sự nghiệp).

c) Có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp là đối tượng thuộc diện chính sách. Trường hợp, đối tượng chính sách không thuộc UBND cấp xã quản lý thì người vay có thể xuất trình giấy tờ chứng minh để UBND cấp xã có cơ sở xác nhận.

Điều 7. Nội dung sử dụng vốn vay

1. Đối với cho vay giải quyết việc làm: Thực hiện theo quy định của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg đã sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với cho vay đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng: Trang trải chi phí cần thiết để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 8. Mức cho vay

1. Đối với cho vay giải quyết việc làm: Thực hiện theo quy định của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg đã sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với cho vay đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng:

a) Các đối tượng quy định tại khoản 3, Điều 5 Quy chế này được vay với mức tối đa 100% tổng chi phí người vay phải đóng góp theo từng thị trường. Nhưng không vượt quá chi phí cần thiết hợp pháp do doanh nghiệp, tổ chức đưa người đi làm việc ở nước ngoài thông báo, xác nhận hoặc ghi trên hợp đồng.

Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng quy định tại khoản 3, Điều 5 Quy chế này cũng chỉ được vay mức tối đa của một đối tượng.

b) Các đối tượng khác (không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 3, Điều 5 Quy chế này) được vay với mức tối đa 50% tổng chi phí người vay phải đóng góp theo từng thị trường. Nhưng không vượt quá chi phí cần thiết hợp pháp do doanh nghiệp, tổ chức đưa người đi làm việc ở nước ngoài thông báo, xác nhận hoặc ghi trên hợp đồng.

Điều 9. Thời hạn, lãi suất vay

1. Đối với cho vay giải quyết việc làm: Thực hiện theo quy định của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg đã sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với cho vay đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng:

a) Thời hạn cho vay:

Việc xác định thời hạn cho vay được căn cứ vào thời hạn đi lao động ở nước ngoài theo Hợp đồng tuyển dụng và khả năng trả nợ của người vay nhưng tối đa không quá thời hạn đi lao động ở nước ngoài theo Hợp đồng lao động.

b) Lãi suất cho vay:

Lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất cho vay của chương trình xuất khẩu lao động thông thường từ Nguồn vốn Trung ương tại từng thời kỳ (hiện nay, lãi suất cho vay là 0,65%/tháng).

Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.

Điều 10. Thủ tục, quy trình nghiệp vụ cho vay

1. Đối với cho vay giải quyết việc làm: Thực hiện theo quy định của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg đã sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với cho vay đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng: Thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội ở từng thời kỳ.

Điều 11. Bảo đảm tiền vay

1. Đối với cho vay giải quyết việc làm: Thực hiện theo quy định của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg đã sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với cho vay đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

a) Các đối tượng chính sách theo khoản 3, Điều 5 Quy chế này: Thực hiện theo hình thức tín chấp, đối tượng vay không phải thế chấp tài sản.

b) Các đối tượng khác (không thuộc đối tượng theo khoản 3, Điều 5 Quy chế này): Khi vay phải áp dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 12. Tổ chức giải ngân

1. Hàng năm, Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi tiếp nhận nguồn vốn do Sở Tài chính chuyển sang và chuyển về Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện theo quyết định phân bổ vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối với các nhu cầu vay đã có quyết định cho vay nhưng không giải ngân được, Ngân hàng Chính sách xã hội phải báo cáo rõ lý do và hướng xử lý với cơ quan ra quyết định cho vay.

3. Đối với cho vay đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng: Tiền vay được chuyển cho Bên tuyển dụng. Khi nhận được thông báo kết quả phê duyệt cho vay, người vay đến trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã

hội nơi cho vay để làm thủ tục chuyển tiền vay cho Bên tuyên dụng theo Hợp đồng tuyên dụng.

Trường hợp bên tuyên dụng có đề nghị bằng văn bản, thì Ngân hàng Chính sách xã hội có thể phát tiền vay trực tiếp cho người vay tại điểm giao dịch quy định. Nếu người vay không trực tiếp đến nhận tiền vay thì được ủy quyền cho thành viên trong hộ (người từ đủ 18 tuổi trở lên) lĩnh tiền nhưng phải có giấy ủy quyền có xác nhận của UBND cấp xã.

4. Đến thời điểm ngày 30/9 hàng năm, các huyện, thành phố không giải ngân vay hết số vốn bổ sung mới và vốn thu hồi hoặc trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh nguồn vốn giữa các huyện, thành phố, Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi báo cáo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh quyết định điều chuyển.

Điều 13. Thu hồi vốn

1. Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi xây dựng kế hoạch thu nợ, tiến hành thu hồi nợ cả vốn gốc và lãi khi đến hạn; người vay có thể trả vốn trước hạn. Trong quá trình cho vay, Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi kiểm tra nếu phát hiện người vay sử dụng vốn vay không đúng mục đích, báo cáo với cơ quan phê duyệt dự án ra quyết định thu hồi nợ trước thời hạn.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi sử dụng vốn thu hồi để cho vay các dự án đã được phê duyệt, không để vốn tồn đọng.

Điều 14. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý rủi ro do nguyên nhân khách quan

Đối tượng được xem xét xử lý nợ rủi ro; nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng; nguyên tắc; biện pháp xử lý; hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro áp dụng theo quy định tại Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội và Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ và theo các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Thẩm quyền và trách nhiệm xử lý nợ bị rủi ro

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định xóa nợ (gốc, lãi) cho khách hàng vay bị rủi ro trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh.

b) Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch – Đầu tư, Ngân hàng Chính sách Xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi tổ chức kiểm tra hồ sơ đề nghị xóa nợ cho khách hàng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Trường Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: Quyết định khoan nợ cho khách hàng vay vốn bị rủi ro trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi.

d) Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:

Quyết định gia hạn nợ đối với hộ vay vốn trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi.

Trình Trường Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Quảng Ngãi quyết định khoan nợ đối với các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn Ngân sách thành phố Quảng Ngãi.

Tổng hợp hồ sơ đề nghị xóa nợ, gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Quảng Ngãi trình Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi quyết định xóa nợ đối với các khoản nợ bị thiệt hại bị rủi ro từ nguồn vốn Ngân sách thành phố Quảng Ngãi, báo cáo cho Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Tổng hợp các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn Ngân sách tỉnh đối với các khoản nợ đề nghị xóa nợ từ các huyện, thành phố trình Sở Tài chính đề chủ trì, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch – Đầu tư tổ chức kiểm tra và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định xóa nợ.

Tổng hợp các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn Ngân sách tỉnh đối với các khoản nợ đề nghị khoan nợ từ các huyện, thành phố trình Trường Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh có Quyết định cho khoan nợ.

Tổ chức chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy định tại Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng chính sách xã hội.

đ) Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện:

Quyết định gia hạn nợ đối với hộ vay vốn trên địa bàn huyện.

Trình Trường Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội huyện quyết định khoan nợ đối với các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn Ngân sách huyện.

Tổng hợp hồ sơ đề nghị xóa nợ, gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch trình Chủ tịch UBND huyện quyết định xóa nợ đối với các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn Ngân sách huyện.

Tổng hợp các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn Ngân sách tỉnh đối với các khoản nợ đề nghị khoan nợ, xóa nợ gửi Ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi để tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh, Trường Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh quyết định xử lý theo Quy chế này.

e) Đối với nguồn vốn ủy thác do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chuyển sang Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm: Trách nhiệm xử lý nợ rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Trường

Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, thành phố quyết định theo Quy chế này và trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội và Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện, thành phố nơi cho vay.

4. Nguồn vốn xử lý nợ rui ro

a) Nguồn vốn để xóa nợ cho khách hàng được sử dụng từ Quỹ dự phòng rui ro. Trường hợp Quỹ dự phòng rui ro không đủ bù đắp, Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi và Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện báo cáo cơ quan Tài chính cùng cấp để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

b) Nguồn vốn để gia hạn nợ, khoan nợ cho khách hàng được tính trong tổng nguồn vốn ủy thác hoạt động hàng năm của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Giao Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi làm chủ tài khoản và quản lý Quỹ dự phòng rui ro theo quy định của Nhà nước. Nguồn vốn để hình thành Quỹ dự phòng rui ro của Quỹ giải quyết việc làm tỉnh. Quảng Ngãi được trích từ nguồn thu lãi cho vay.

Điều 15. Việc phân phối và sử dụng số tiền lãi thu được từ cho vay Quỹ giải quyết việc làm của tỉnh được thực hiện như sau:

1. Trích 50% để chi trả phí ủy thác cho hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện công tác hướng dẫn người vay vốn xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn, tổ chức thẩm định, giải ngân, thu hồi vốn, xử lý nợ, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện cho vay. Việc sử dụng phí ủy thác theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Trích 20% để chi cho công tác lập kế hoạch cho vay và kế hoạch giải quyết việc làm; kiểm tra, giám sát đánh giá chỉ tiêu tạo việc làm mới và các hoạt động cho vay vốn của Quỹ; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện của cơ quan lao động cấp tỉnh, cấp huyện, thành phố. Căn cứ báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi và kết quả thu lãi; kế hoạch cho vay và giải quyết việc làm; kế hoạch kiểm tra, giám sát; Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định phân phối cho các đơn vị. Cơ cấu phân phối như sau:

a) Đối với nguồn vốn từ ngân sách tỉnh

- Trích 5% cho cấp tỉnh (trừ Ngân hàng Chính sách xã hội).

- Trích 15% cho cấp huyện.

b) Đối với nguồn vốn từ Ngân sách huyện, thành phố: Trích cho cơ quan lao động cấp huyện.

Nội dung chi và mức chi kinh phí quản lý thực hiện theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm.

3. Trích 30% lập Quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp các khoản vốn vay từ Quỹ giải quyết việc làm của tỉnh bị tổn thất do nguyên nhân bất khả kháng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xóa nợ và để bổ sung nguồn vốn cho Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở đề nghị của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính và Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương

1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Cùng với thời điểm lập dự toán hàng năm, lập dự toán ngân sách tỉnh bổ sung hàng năm cho Quỹ giải quyết việc làm của tỉnh. Quản lý nguồn ngân sách bổ sung hàng năm cho Quỹ giải quyết việc làm tỉnh; nguồn vốn đã chuyển sang và cho vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi và tiền lãi thu được từ cho vay Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch - Đầu tư, Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn hằng năm từ Quỹ giải quyết việc làm của tỉnh cho các huyện, thành phố;

c) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi theo dõi tình hình cho vay và thu hồi nợ từ nguồn Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi;

d) Quyết định phân phối tiền lãi thu được cho các đối tượng;

đ) Có trách nhiệm quản lý phần tiền lãi dành cho cơ quan quản lý, theo dõi cấp tỉnh do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chuyển qua để sử dụng phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành cho vay Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi của các cơ quan cấp tỉnh.

Hàng năm lập dự toán chi và quyết toán các khoản chi theo quy định tại điểm 3 mục II Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm;

e) Kiểm tra, đánh giá kết quả cho vay của Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi. Định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm, báo cáo kết quả cho UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hàng năm, trên cơ sở dự toán ngân sách tỉnh bổ sung cho Quỹ giải quyết việc làm của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bổ sung vốn cho Quỹ giải quyết việc làm của tỉnh Quảng Ngãi;

b) Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định phân bổ vốn hằng năm từ Quỹ giải quyết việc làm tỉnh cho các huyện, thành phố;

c) Hướng dẫn, quản lý, kiểm tra việc sử dụng kinh phí quản lý, điều hành Quỹ này và Quỹ dự phòng rủi ro của Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi;

d) Bố trí kinh phí quản lý Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi trong dự toán chi quản lý hành chính của các cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội theo phân cấp ngân sách hiện hành;

đ) Phối hợp, kiểm tra, giám sát việc sử dụng, điều hành Quỹ giải quyết việc làm tỉnh;

e) Thực hiện thu các khoản hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân cho Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi;

g) Phê duyệt dự toán và quyết toán các khoản chi từ nguồn lãi thu được qua Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Hàng năm, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính xây dựng kế hoạch bố trí bổ sung nguồn vốn cho Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi;

b) Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính và Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định phân bổ vốn hàng năm từ Quỹ giải quyết việc làm tỉnh cho các huyện, thành phố;

c) Phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, đánh giá tình hình và kết quả cho vay vốn từ Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi.

4. Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận nguồn vốn do Sở Tài chính chuyển sang và chuyển vốn đến Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ở các huyện để cho vay theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Sử dụng phần nguồn vốn ủy thác đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và được hưởng phí ủy thác theo đúng quy định của Quy chế này;

b) Thực hiện hạch toán kế toán riêng đối với các khoản cho vay từ Quỹ giải quyết việc làm tỉnh. Hàng quý, 6 tháng, năm, Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi báo cáo số liệu kết quả và tình hình thực hiện; kết quả thu hồi nợ (cả gốc và lãi vay) nguồn Quỹ này cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh;

c) Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp trong tỉnh tổ chức cho vay, thu hồi nợ và bảo tồn nguồn vốn của Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo đúng theo Quy chế này;

d) Hàng quý, 6 tháng, năm, chỉ đạo Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (qua cơ quan Lao động – Thương binh – Xã hội cùng cấp) về kết quả và tình hình thực hiện cho vay vốn Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi tại huyện, thành phố;

đ) Thực hiện trích chuyển lãi cho vay của Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của Quy chế này.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo việc cho vay Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo hiệu quả, đúng quy định của Nhà nước;

b) Chỉ đạo các phòng, ban liên quan và UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức cho vay, trong đó chịu trách nhiệm chính về đối tượng vay vốn; tính khả thi của dự án, mục tiêu giải quyết việc làm; kiểm tra đánh giá kết quả cho vay và thu hồi nợ của Quỹ giải quyết việc làm tỉnh;

c) Hàng năm, thực hiện việc trình Hội đồng nhân dân huyện, thành phố trích ngân sách huyện, thành phố chuyển sang Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo Quy chế này;

d) Quản lý và phân bổ phần tiền lãi quy định tại khoản 2, điều 16 Quy chế này cho các đối tượng thụ hưởng; chỉ đạo công tác thanh, quyết toán khoản kinh phí này đảm bảo đúng quy định của Nhà nước;

đ) Tổng hợp kết quả cho vay, thu hồi nợ và xử lý nợ rui ro trên địa bàn quản lý, gửi báo cáo định kỳ theo quý, 6 tháng, năm về UBND tỉnh, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

e) Chỉ đạo Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, các phòng chức năng liên quan của huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện xác nhận các loại thủ tục, giấy tờ của người lao động liên quan đến việc vay vốn theo Quy chế này;

g) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi để nhân dân biết rõ Quy chế này.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Khi Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan có quy định mới khác với Quy chế này, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Trong khi chưa sửa đổi, bổ sung kịp thời, thực hiện theo quy định mới của Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Sở, ngành và địa phương báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) để xem xét, giải quyết./.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI
CHỦ TỊCH**

Cao Khoa